

Bản án số: 12/2021/DS-ST
Ngày: 06/4/2021
V/v “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T- TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Dương Thị Phương Dung**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lý**

Bà **Võ Thị Bồi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Trung** - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 06 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 495/2019/TLST-DS ngày 16/12/2019 về việc “**Tranh chấp về thừa kế tài sản**”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-DS ngày 24/02/2021, quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-DS ngày 17/3/2021 giữa các đương sự sau:

- Nguyên đơn: Bà **Hoàng Thị M** – Sinh năm 1944

Địa chỉ: 92 đường T, phường T, thành phố T

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Huỳnh Tấn K** - Là đại diện theo ủy quyền. (theo giấy ủy quyền ngày 21/02/2020)

Có mặt

- Bị đơn: Bà **Ngô Khánh T** – sinh năm 1978

Địa chỉ: 92 đường T, phường T, thành phố T.

Vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Ngô Khánh H** - Sinh năm 1972

Địa chỉ: 18B đường C, phường T, thành phố T

Có mặt

2/ Bà **Ngô Khánh V** – Sinh năm 1974

Địa chỉ: 113 đường K, phường P, thành phố T

Người đại diện hợp pháp của bà Vân: Ông **Huỳnh Tấn K**- Là đại diện theo ủy quyền. (theo giấy uỷ quyền ngày 19/12/2020)

Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên toà sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Huỳnh Tấn K trình bày:*

Bà Hoàng Thị M và ông Ngô Văn T kết hôn năm 1971, do thời gian quá lâu và thay đổi chỗ ở nên giấy đăng ký kết hôn đã bị thất lạc. Bà M và ông T sinh được 03 người con chung gồm Ngô Khánh H, Ngô Khánh V và Ngô Khánh T. Ông T không có con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ ông T chết trước ông T.

Sinh thời, ông T và bà M có tạo lập được khối tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ 28B (nay là 92) đường T, phường T, thành phố T thuộc thửa đất 105, tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 706716, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01868/22363 do UBND Tp. T cấp ngày 25/8/2014.

Ông T chết năm 2009 không để lại di chúc. Những người thừa kế của ông T là bà M, bà H, bà V, bà T không thỏa thuận được về việc phân chia di sản thừa kế. Phần di sản ông T để lại là $\frac{1}{2}$ nhà đất tại địa chỉ 28B (nay là 92) đường T, phường T, thành phố T (ký hiệu phần B trong sơ đồ vị trí lô đất). Phần tài sản của bà Hoàng Thị M là $\frac{1}{2}$ nhà đất tại địa chỉ 28B (nay là 92) đường T, phường T, thành phố T (ký hiệu phần A trong sơ đồ vị trí lô đất). Vì vậy, bà M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là $\frac{1}{2}$ nhà đất nêu trên (ký hiệu phần B trong sơ đồ vị trí lô đất) và xin nhận bằng hiện vật.

Bà M xin chịu toàn bộ tiền đo vẽ, định giá.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Ngô Khánh H trình bày:*

Tôi là con của bà Hoàng Thị M và ông Ngô Văn T. Cha mẹ tôi sinh được 03 người con là tôi, Ngô Khánh V và Ngô Khánh T. Cha tôi không có con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ ông T chết trước ông T. Cha tôi chết năm 2009 không để lại di chúc. Nhà đất tại địa chỉ 28B (nay là 92) đường T, phường T, thành phố T thuộc thửa đất 105, tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 706716, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01868/22363 do UBND Tp. T cấp ngày 25/8/2014 là tài sản chung của cha mẹ tôi. Nay mẹ tôi yêu cầu chia di sản thừa kế là $\frac{1}{2}$ nhà đất nêu trên và xin nhận bằng hiện vật thì tôi đồng ý, phần tôi xin nhận giá trị bằng tiền.

** Đại diện theo ủy quyền của bà Ngô Khánh V - ông Huỳnh Tấn K trình bày:*

Bà Ngô Khánh V là con của bà Hoàng Thị M và ông Ngô Văn T. Bà M và ông T sinh được 03 người con là bà V, Ngô Khánh T và Ngô Khánh H. Ông T không có con riêng, con nuôi nào khác. Cha mẹ ông T chết trước ông T. Ông T chết năm 2009 không để lại di chúc. Nhà đất tại địa chỉ 28B (nay là 92) đường T, phường T, thành phố T thuộc thửa đất 105, tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 706716, sổ vào sổ cấp GCN: CH 01868/22363 do UBND Tp. T cấp ngày 25/8/2014 là tài sản chung của bà

M và ông T. Nay bà Mai yêu cầu chia di sản thừa kế là $\frac{1}{2}$ nhà đất nêu trên và xin nhận bằng hiện vật thì bà V đồng ý, phần bà V xin nhận giá trị bằng tiền.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T đã nêu: Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự và đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Việc bà Hoàng Thị M khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Ngô Khánh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M về việc chia di sản thừa kế ông Ngô Văn T để lại là $\frac{1}{2}$ nhà đất tại địa chỉ 28B (nay là 92) đường T, phường T, thành phố T (ký hiệu phần B trong sơ đồ vị trí lô đất)

2.1.

Nhà đất tại địa chỉ 28B (nay là 92) đường T, phường T, thành phố T thuộc thửa đất 105, tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS 706716, số vào sổ cấp GCN: CH 01868/22363 do UBND Tp. T cấp ngày 25/8/2014 cho ông Ngô Văn T và bà Hoàng Thị M.

Các đương sự không ai tranh chấp về quyền sở hữu đối với nhà đất nêu trên. Vì vậy, nhà đất nêu trên là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Ngô Văn T và bà Hoàng Thị M theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015.

2.2. Ông Ngô Văn T chết ngày 25/10/2009. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015, hàng thừa kế thứ nhất của ông T gồm vợ là bà Hoàng Thị M; các con của ông T gồm: Ngô Khánh H, Ngô Khánh V và Ngô Khánh T. Bà M, bà H, bà V đều thống nhất là cha mẹ ông T đều chết trước ông T và ông T không có con riêng, con nuôi nào khác.

2.3. Ông T chết làm phát sinh quyền thừa kế đối với di sản ông T để lại là $\frac{1}{2}$ nhà đất tại địa chỉ 28B (nay là 92) đường T, phường T, thành phố T (ký hiệu phần B trong sơ đồ vị trí lô đất) diện tích 28,3m² và $\frac{1}{2}$ căn nhà cấp 3 (5 tầng) trên đất diện tích xây dựng 28,3m² diện tích sàn là 114,2m² + mái che 20m²

Cụ thể:

- Phần đất có diện tích 28,3 m² Hội đồng định giá là 6.792.000.000 đồng. (1)
 - Phần giá trị của $\frac{1}{2}$ căn nhà cấp 3 (5 tầng) trên đất diện tích xây dựng 28,3m² diện tích sàn 114,2m² là + mái che 20m² hội đồng định giá là 327.647.000 đồng. (2)
- (1) + (2) = 7.119.647.000 đồng

Bà Hoàng Thị M, bà Ngô Khánh H, bà Ngô Khánh V và bà Ngô Khánh T mỗi người được hưởng 1/4 số tiền này là 1.779.911.750 đồng.

Bà Hoàng Thị M có ý kiến xin nhận phần được hưởng bằng hiện vật. Hội đồng xét xử xét thấy, toàn bộ diện tích nhà đất tại địa chỉ 28B (nay là 92) đường T, phường T, thành phố T là tài sản chung của ông T và bà M nên để bà M nhận hiện vật và thanh toán tiền lại cho các đồng thừa kế khác là hợp lý. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị M.

Bà Hoàng Thị M được sở hữu 1/2 nhà đất tại địa chỉ 28B (nay là 92) đường T, phường T, thành phố T thuộc thửa đất 105, tờ bản đồ số 10 và thanh toán tiền lại cho bà Ngô Khánh H, bà Ngô Khánh V và bà Ngô Khánh T mỗi người 1.779.911.750 đồng (*một tỷ bảy trăm bảy mươi chín triệu chín trăm mười một nghìn bảy trăm năm mươi đồng*)

Đối với chi phí thẩm định, đo vẽ, định giá nguyên đơn bà Hoàng Thị M tự nguyện chịu khoản này và đã thanh toán xong.

Về án phí: Bà Hoàng Thị M là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Ngô Khánh H, bà Ngô Khánh V và bà Ngô Khánh T mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền được nhận là 65.397.000 đồng (*sáu mươi lăm triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng*)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 227, Điều 235, Điều 264, Điều 267 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 649, Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà Hoàng Thị M được sở hữu 1/2 nhà đất tại địa chỉ 28B (nay là 92) đường T, phường T, thành phố T thuộc thửa đất 105, tờ bản đồ số 10

Giao cho bà Hoàng Thị M được sở hữu toàn bộ nhà đất tại địa chỉ 28B (nay là 92) đường T, phường T, thành phố T thuộc thửa đất 105, tờ bản đồ số 10. Bà Hoàng Thị M có trách nhiệm liên hệ cơ quan chức năng để xác lập quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Bà Hoàng Thị M có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà Ngô Khánh H, bà Ngô Khánh V và bà Ngô Khánh T mỗi người 1.779.911.750 đồng (*một tỷ bảy trăm bảy mươi chín triệu chín trăm mười một nghìn bảy trăm năm mươi đồng*)

2/ Về án phí:

Bà Hoàng Thị M là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Ngô Khánh H, bà Ngô Khánh V và bà Ngô Khánh T mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm tính trên số tiền được nhận là 65.397.000 đồng (*sáu mươi lăm triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn đồng*)

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. T;
- Dương sự;
- THADS Tp T;
- TAND tỉnh H;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đào Dương Thị Phương Dung